TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức, bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Hồ Thị Thu Nguyên – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979 – có mặt

Địa chỉ: Thôn I, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1983 - vắng mặt

Địa chỉ: Thôn I, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày có nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị T và ông Trần Văn C là vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/5/2011. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, nhưng từ cuối năm 2023 thì xảy ra mâu

thuẫn, cãi nhau to tiếng thường xuyên, ông C hay cáu gắt, do sống với nhau không còn tình cảm, không có sự quan tâm lẫn nhau, mặc dù hai bên vẫn sống chung nhà, nhưng tình cảm lạnh nhạt, cuộc sống như đã ly thân. Bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ánh N, sinh ngày 21/10/2012 hiện cháu N đang ở với bà T, khi ly hôn bà T có nguyện vọng nuôi cháu N đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông C theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 28-5-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 19-11-2024 Toà án Thông báo nộp tạm ứng án phí; ngày 19-12-2024 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về *"Ly hôn, tranh chấp về con chung"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng:* Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Trần Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà Trần Thị T xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày thường xuyên bất đồng quan điểm và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà Trần Thị T và ông Trần Văn C thì địa phương cung cấp quá trình sống tại địa phương giữa bà Trần Thị T và ông Trần Văn C khi phát sinh mâu thuẫn nhưng không ai trình báo nên địa phương không nắm được, tuy nhiên vợ chồng đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông C đã không còn chung sống với nhau, nên đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã ly thân, nên cho bà Trần Thị T ly hôn ông Trần Văn C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống,vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ánh N, sinh ngày 21/10/2012. Hiện cháu N đang ở với bà T, khi ly hôn bà T có nguyện vọng nuôi cháu N đến khi đủ tuổi thành niên. Mặt khác, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Để đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận nguyện vọng của bà T là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình

[4.3] Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Văn C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Văn C.

2. **Về con chung:** Giao con chung là cháu Trần Ánh N, sinh ngày 21/10/2012 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ chung:** Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004013 ngày 23-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bị đơn ông Trần Văn C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Kim Chung